TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **98**/2019/DS - PT
Ngày:18-7-2019
"V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản, chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán Bà **Lê Thúy Cầu**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp đòi lại tài sản, chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 689/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Đặng Thị T**; nơi ĐKHK thường trú: 193/15 đường số 6, khu phố 8, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 313 Khu B, Chung cư G, đường số 5, khu phố 7, phường B, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Bùi Ngọc H1**, luật sư Công ty luật TNHH PN, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Hồng S**; cư trú tại: Thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh

Bình Định. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**; cư trú tại: Thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Mỹ H: Bà **Đặng Thị T** (Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2017). Có mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị Khánh L**. Vắng.

3. Chị **Nguyễn Thị Linh T1**. Vắng.

4. Chị **Nguyễn Thị Đình N**.Vắng.

Cùng cư trú tại: 193/15 đường số 6, khu phố 8, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị Linh T1, chị Nguyễn Thị Đình N: Bà **Đặng Thị T** (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2017). Có mặt.

5. Bà **Nguyễn Thị N1**. Vắng.

6. Bà **Nguyễn Thị T2**; cùng trú tại: Thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T2 Ông **Nguyễn Hồng S**; cư trú tại: Thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017). Có mặt.

7. Chị **Nguyễn Thị Kim H2**; cư trú tại: Thôn P1, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt.

8. **Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng.**

* Người kháng cáo: Nguyên đơn – bà Đặng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị T và là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Mỹ H, chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị Linh T1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức S1 chung sống với nhau từ năm 1988, đến năm 1993 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1. Vợ chồng bà có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Đình N, Nguyễn Thị Linh T1 và Nguyễn

Thị Khánh L.

Cha mẹ ông S1 là ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị N1. Ông N2 bà N1 có 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim H2, ông Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Đức S1, bà Nguyễn Thị Kim T3.

Ông N2 chết trước năm 1975. Ông S1 chết năm 2002. Bà T3 chết sau ông N2, trước ông S1. Ông N2, bà T3, ông S1 chết không để lại di chúc. Ông N2, bà T3, ông S1 không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng nào khác. Bà T3 không có chồng, con.

Di sản ông S1 để lại 3.088m^2 đất (trong đó 200m^2 đất ở và 2.888m^2 đất vườn), thuộc thửa đất số 687 và 1.168m^2 đất màu, thuộc thửa đất số 688, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01 tháng 12 năm 1997 do ông Nguyễn Đức S1 đứng tên chủ hộ và 25 cây dừa đang có quả vợ chồng bà trồng từ năm 1990.

Bà không biết nguồn gốc thửa đất số 687, 688 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định có từ đâu. Nhưng từ năm 1988, khi về làm dâu nhà bà N1, vợ chồng bà đã sinh sống trên đất này. Thực hiện chính sách của Nhà Nước về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, ông Nguyễn Đức S1 đã tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01 tháng 12 năm 1997 do ông Nguyễn Đức S1 đứng tên chủ hộ, gồm 07 thửa đất, diện tích 7.289m^2 trong đó có thửa đất số 687 và 688. Đất được cân đối giao quyền cho 04 nhân khẩu gồm: Ông Nguyễn Đức S1, bà Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị Mỹ H và bà Đặng Thị T. Ông Nguyễn Hồng S đã xây dựng nhà và các công trình trên thửa đất số 687, 688. Hiện ông S, bà N1 đang quản lý, sử dụng hai thửa đất này.

Bà thống nhất số liệu đo đạc tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 07/9/2017, tổng diện tích thửa đất số 687 và thửa đất số 688 là 3.769,1 m^2.

Bà yêu cầu ông S tháo dỡ nhà, các công trình đã xây dựng trên thửa đất số 687, 688, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định; trả lại đất và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức S1. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hồng S và là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Ông thống nhất về quan hệ huyết thống như bà T trình bày và thống nhất

số liệu đo đạc tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 07/9/2017, tổng diện tích thửa đất số 687 và thửa đất số 688 là 3769,1 m^2.

Thực hiện chính sách của Nhà Nước về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP của Chính phủ, ông Nguyễn Đức S1 tự ý kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 do ông Nguyễn Đức S1 đứng tên chủ hộ, gồm có 07 thửa đất với tổng diện tích 7.289m^2 trong đó có thửa đất số 687, diện tích 3.088m^2 và thửa đất số 688, diện tích 1.168m^2, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, nguồn gốc thửa đất số 687 và thửa đất số 688 là của ông bà bên nội ông để lại cho cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn N2 bà Nguyễn Thị N1. Sau năm 1975 mẹ ông đã vào hợp tác xã và là xã viên của hợp tác xã. Đất được cân đối giao quyền cho 05 nhân khẩu gồm: Bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị Kim H2, ông Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Đức S1, bà Nguyễn Thị Kim T3.

Thực tế bà N1 là chủ hộ nhưng vì bà N1 bị bại liệt từ năm 1980, không đi kê khai được. Việc Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 do ông Nguyễn Đức S1 đứng tên chủ hộ là không đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật. Do đó, ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1.

Đất là của ông bà nội ông để lại cho cha mẹ ông. Do đó, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H2 trình bày: Bà thống nhất như ông Nguyễn Hồng S trình bày, không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đình N trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà T và bổ sung: Do kinh tế gia đình khó khăn nên từ năm 2005 mẹ chị dẫn chị em chị vào Sài Gòn làm ăn sinh sống. Năm 2003 bác chị là ông Nguyễn Hồng S xây dựng nhà, công trình trái phép trên thửa đất của gia đình chị. Chị yêu cầu ông S phải tháo dỡ nhà ở và các công trình phụ, trả lại đất cho gia đình chị.

Tại bản tự khai ngày 02/8/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện P do ông Hồ Mạnh Cường đại diện trình bày:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698/QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1 có 07 thửa, diện tích 7.289m^2 là thực hiện theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993

của Chính phủ. Theo biên bản xét nhân hộ khẩu ngày 11/8/1993 tại thôn Tr, xã M1 của Hội đồng giao quyền ruộng đất xác định bà Nguyễn Thị N1 là chủ hộ, tổng nhân khẩu tại thời điểm chốt nhân khẩu ngày 01/7/1993 là 04 nhân khẩu, gồm: bà Nguyễn Thị N1 là chủ hộ, ông Nguyễn Đức S1 (Con trai), bà Đặng Thị T (con dâu, vợ ông S1) và cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1990 (con ông S1, bà T).

Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức S1 và bà Đặng Thị T, và ý kiến của Hội đồng đăng ký ruộng đất xã M1 xác nhận vào đơn của hộ ông Nguyễn Đức S1 với diện tích 7.289m^2 đất, gồm có 04 nhân khẩu là hợp pháp, hợp lý. Đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698/QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 cho hộ ông Nguyễn Đức S1 với tổng diện tích 7.289m^2 .

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì bà Nguyễn Thị N1 bị tàn tật (do tai biến) nên con trai là ông Nguyễn Đức S1 đi đăng ký kê khai. Vì vậy, UBND huyện P cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1 có 04 khẩu, với tổng diện tích là 7.289m^2 là đúng thực tế.

Thực hiện dự án VLAP thửa đất 687, 688 hợp thành thửa 415, tờ bản đồ số 35, diện tích 3.877m^2 vì có ranh giới liền kề, một chủ sử dụng. Tuy nhiên hộ gia đình không đi kê khai nên chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai thửa đất này có mục đích sử dụng khác nhau (đất ở, đất vườn, đất màu) nên không đủ điều kiện để hợp 02 thửa đất 687, 688 thành một thửa. Ông S phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698/QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1 là không đủ điều kiện xem xét, vì ông Nguyễn Hồng S không phải là thành viên của hộ gia đình tại thời điểm giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993.

Tại bản án dân sự thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 102, 166, 212, 209, 688, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

1. Chia giao bà Nguyễn Thị N1 được quyền sử dụng khu C**,** diện tích 1.615,5m^2 (trong đó 120m^2 đất ở, 814,4m^2 đất vườn và 681,1 m^2 đất màu), thuộc thửa đất số 687, 688 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng trên phần đất được chia và 09 cây dừa (Có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đặng Thị T 3.811.000 đồng (Ba triệu tám trăm mười một nghìn đồng).

2. Chia giao ông Nguyễn Hồng S được quyền sử dụng khu A, diện tích 1.362,6m^2 (trong đó 40 m^2 đất ở và 1.322,6m^2 đất vườn), thuộc thửa đất số 687, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng trên phần đất được chia và 17 cây dừa (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Nguyễn Hồng S có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Kim H2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà Đặng Thị T 112.421.000 đồng (Một trăm mười hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

3. Chia giao bà Đặng Thị T được quyền sử dụng khu B, diện tích 791 m^2 (trong đó có 40 m^2 đất ở và 751 m^2 đất vườn), tại thửa đất số 687, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng trên phần đất được chia và 04 cây dừa (Có sơ đồ kèm theo).

Bà Đặng Thị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị N1 11.765.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Mỹ H 92.380.300 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng), chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị Đình N, chị Nguyễn Thị Linh T1 mỗi người 24.710.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Hồng S về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 bà Đặng Thị T là nguyên đơn kháng cáo; với nội dung: Ông Nguyễn Văn N2 chết trước năm 1975, theo quy định tại khoản 1,2 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của ông N2

đã hết nhưng án sơ thẩm chia thừa kế là không đúng quy định pháp luật. Đồng thời hiện tại bà có 04 người con và gia cảnh có phần khó khăn nên đòi lại đất để canh tác, nhưng án sơ thẩm buộc ông S trả giá trị đất bà không đồng ý.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Đặng Thị T chấp nhận thối lại giá trị tài sản của ông S, để nhận phần diện tích đất ông S đang sử dụng và sở hữu tài sản có trên đất.

Kiểm sát viên phát biểu quan điển giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Đặng Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị T, nhận thấy:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2: Cụ N2 chết trước năm 1975, theo quy định tại khoản 2.2 Mục I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình: "2.2. Thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế:

a) Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 01/7/1996, thì thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh thừa kế". Theo quy định của Pháp lệnh thừa kế năm 1990, thì những việc thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 (trước ngày công bố Pháp lệnh thừa kế năm 1990) thì thời hiệu khởi kiện tính từ ngày 10/9/1990. Mặt khác theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N2 vẫn còn.

[1.2] Về đất ở: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà N1, ông S và bà H2 đều xác nhận nguồn gốc đất là của ông bà bên nội để lại cho ông N2, bà N1. Sau khi ông N2 mất, bà N1 cùng các con: ông S, ông S1, bà H2 tiếp tục sinh sống trên đất này. Sau năm 1975 bà N1 đưa đất vào Hợp tác xã; còn bà T xác định không biết nguồn gốc đất, không có chứng cứ chứng minh 200m^2 đất ở là do bà và ông S1 tạo lập. Tuy nhiên bà T thừa nhận khi về làm dâu vào năm 1988, bà đã sống trên diện tích đất này. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 200m^2 đất ở là của ông N2, bà S1 và chia thừa kế là đúng.

[1.3] Về nội dung bà T yêu cầu ông S giao đất cho bà sử dụng và bà thối lại giá trị tài sản cho ông S: Xét thấy từ năm 2005 đến nay, bà T và các con của bà đã chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và ông S cũng đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2003 đến nay; ngoài chỗ ở này, gia đình ông S không còn chỗ ở nào khác. Đồng thời gia đình ông S có 06 nhân khẩu, là diện hộ nghèo, nên việc tạo lập một chỗ ở khác là không thể thực hiện được. Mặt khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00689 ngày 01/12/1997 của UBND huyện P cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1 vẫn còn trên 3.000m^2 đất màu và đất trồng lúa, đảm bảo cho gia đình bà T có đủ diện tích đất để canh tác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông S tiếp tục sử dụng trên phần diện tích đất có nhà, công trình phụ và buộc ông S thối lại giá trị đất là đúng quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Đặng Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 102, 166, 212, 209, 688, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 26, khoản 7 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

- Chia giao bà Nguyễn Thị N1 được quyền sử dụng khu C**,** diện tích 1.615,5m^2 (trong đó 120m^2 đất ở, 814,4m^2 đất vườn và 681,1 m^2 đất màu), thuộc thửa đất số 687, 688 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng trên phần đất được chia và 09 cây dừa (Theo trích đo bản đồ địa chính do Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương đo vẽ ngày 21/9/2017 kèm theo).

Bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đặng Thị T 3.811.000 đồng (Ba triệu tám trăm mười một nghìn đồng).

- Chia giao ông Nguyễn Hồng S được quyền sử dụng khu A, diện tích 1.362,6m^2 (trong đó 40 m^2 đất ở và 1.322,6m^2 đất vườn), thuộc thửa đất số 687, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng trên phần đất được chia và 17 cây dừa (Theo trích đo bản đồ địa chính do Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương đo vẽ ngày 21/9/2017 kèm theo).

Ông Nguyễn Hồng S có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Kim H2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà Đặng Thị T 112.421.000 đồng (Một trăm mười hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

- Chia giao bà Đặng Thị T được quyền sử dụng khu B, diện tích 791 m^2 (trong đó có 40 m^2 đất ở và 751 m^2 đất vườn), tại thửa đất số 687, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại thôn Tr, xã M1, huyện P, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng trên phần đất được chia và 04 cây dừa (Theo trích đo bản đồ địa chính do Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương đo vẽ ngày 21/9/2017 kèm theo).

Bà Đặng Thị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị N1 11.765.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Mỹ H 92.380.300 đồng (Chín mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng), chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị Đình N, chị Nguyễn Thị Linh T1 mỗi người 24.710.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

- Bác yêu cầu của ông Nguyễn Hồng S về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00698.QSDĐ/D2 ngày 01/12/1997 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Nguyễn Đức S1.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003587 ngày 26/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào